

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Cao Vĩnh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Tam Kỳ**
2. Bà **Lương Thị Hải**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Chu Thị Thủy Quỳnh** – Thư ký Tòa án nhân dân, huyện V N , tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V N , tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Đoàn Anh Tài** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V N , tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Như N** - Sinh năm: 1995;

Trú tại: Thôn Tân Đức Tây, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

* **Bị đơn:** Anh **Võ Quốc V** - Sinh năm: 1994;

Hộ khẩu thường trú: Thôn T Đ, xã V L, huyện V N , tỉnh Khánh Hòa;

Chỗ ở hiện nay: Trại giam A2 - Bộ Công an (Địa chỉ tại xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2019, bản tự khai ngày 19/6/2019, biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như N trình bày:**

Tôi và anh Võ Quốc V tự nguyện kết hôn với nhau, chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vạn Lương, huyện V N , tỉnh Khánh Hòa, Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2016, ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng giữa năm 2016, anh V tham gia cướp giật tài sản và hiện nay bị giam tại trại giam A2 Bộ công an, vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Cho tôi được ly hôn với anh Võ Quốc V

Về con chung: Tôi và anh Võ Quốc V có 01 con chung là cháu Võ Đăng Vinh sinh ngày 27/7/2016. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Võ Đăng V sinh ngày 27/7/2016. Tôi không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai ngày 26/6/2019, bị đơn anh Võ Quốc V trình bày:*** Anh Võ Quốc V thống nhất về thời gian kết hôn đúng như chị N trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Quốc V đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Như N.

Về con chung: Anh Võ Quốc V và chị Nguyễn Thị Như N có 01 con chung là cháu Võ Đăng Vinh sinh ngày 27/7/2016. Sau khi ly hôn, anh V đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con chung là cháu Võ Đăng Vinh sinh ngày 27/7/2016. Anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V N phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Như N yêu cầu ly hôn với anh Võ Quốc V. Anh Võ Quốc V hiện đang chấp hành án tại trại giam A2 - Bộ Công an, anh Võ Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V N tiến hành xét xử vắng mặt anh V, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như N và anh Võ Quốc V, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 22/2016 ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Lương, huyện V N, tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Như N, anh Võ Quốc V là hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Võ Quốc V.

Về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa chị N và anh V: Vợ chồng chị N, anh V thực tế không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau từ

2016 cho đến nay, chị N và anh V không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, xây dựng hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Như N, anh Võ Quốc V có 01 con chung là Võ Đăng Vinh - Sinh ngày: 27/7/2016. Xét thấy: Anh Vinh đang chấp hành án tại trại giam A2 - Bộ Công an kể từ khi chị Nguyễn Thị Như N sinh cháu Võ Đăng Vinh cho đến nay, nên anh Vinh không có điều kiện để chăm sóc con chung. Vì vậy việc chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu Vinh đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị N. Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Như N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Như N xác nhận vợ chồng không nợ của ai, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như N. Chị Nguyễn Thị Như N được ly hôn anh Võ Quốc V.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

2.1 Giao 01 con chung Võ Đăng V - Sinh ngày: 27/7/2016 cho chị Nguyễn Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Vinh đủ 18 tuổi.

Anh Võ Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Anh Võ Quốc V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị Nguyễn Thị Như N , anh Võ Quốc V có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006783 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V N ; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V N ;
- Chi cục THA huyện V N ;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã V L;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đặng Cao Vĩnh

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị Nguyễn Thị Như N , anh Võ Quốc V có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006783 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V N ; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

